TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 27-3-1995.

CCCD: 077195003776 cấp ngày 02-11-2022.

Nơi thường trú: 8 L, phường V, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Lock B Chung cư B L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh ngày 18-10-1994.

CCCD: 077094004353 cấp ngày 01-5-2021.

Nơi thường trú: 8 L, phường V, thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2025 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Nguyễn Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn P sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 14 tháng 10 năm 2016. Trong thời gian sống chung, bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông P không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên bà và ông P thường xuyên cãi vã. Bà đã cố

gắng hàn gắn tình cảm với ông P nhưng không thành. Hiện nay ông P đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Bà và ông P có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-2016; cháu Nguyễn Ngân G, sinh ngày 22-7-2018 và cháu Nguyễn Phong V, sinh ngày 01-12-2022. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung do hiện nay ông P đang bị tạm giam chờ xét xử. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 11 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày: Ông và bà Phạm Nguyễn Kim N sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 14 tháng 10 năm 2016. Trong thời gian sống chung, ông và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông nghiện ma túy, cờ bạc, ông không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng ông thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay ông đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-2016; cháu Nguyễn Ngân G, sinh ngày 22-7-2018 và cháu Nguyễn Phong V, sinh ngày 01-12-2022. Ông đồng ý 03 con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Phạm Nguyễn Kim N có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với ông Nguyễn Tấn P, có nơi cư trú tại phường V, thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N, ông P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Phạm Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Tấn P chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V vào ngày 14 tháng 10 năm 2016. Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp.

Trong thời gian bà N và ông P sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà N, ông P bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông P nghiện ma túy, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bà N, ông P thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…”.

Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh hôn nhân của bà N, ông P không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Nay bà N cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông P, ông P đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của bà N, ông P là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3]. Về con chung: 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-2016; cháu Nguyễn Ngân G, sinh ngày 22-7-2018 và cháu Nguyễn Phong V, sinh ngày 01-12-2022. Bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung; các con chung có nguyện vọng sinh sống cùng với bà N; ông P đồng ý 03 con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định 03 con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Nguyễn Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Tấn P ly hôn.

2. Về con chung: 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-2016; cháu Nguyễn Ngân G, sinh ngày 22-7-2018 và cháu Nguyễn Phong V, sinh ngày 01-12-2022 do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0035420 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của T án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà N đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh (Phường 4, TP. Vũng Tàu cũ).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Thị Huê